

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH BẮC GIANG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2019/HNGĐ-ST

Ngày 17/7/2019

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG, TỈNH BẮC GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hải Lý

2. Ông Lương Ngọc Biên

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Nhẫn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa:
Ông Vũ Hồng Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 17/7/2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 104/2019/TLST-HNGĐ ngày 09/4/2019 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/6/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1997 (Vắng mặt)

Nơi ĐKKH: Thôn T, xã N, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang

Nơi ở: Ngõ 95, ngách 12, tổ 6, khu 34, xã S, thành phố B, tỉnh Bắc Giang

Bị đơn: Anh Dương Văn T, sinh năm 1995 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị với anh Dương Văn T kết hôn với nhau ngày 10/3/2016, trước khi kết hôn vợ chồng được tự nguyện tìm hiểu thỏa thuận và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Yên Dũng. Cưới xong vợ chồng về chung sống với nhau ngay tại thôn T, xã N, huyện Yên Dũng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Mậu thuận phát sinh từ khoảng tháng 10 năm 2017, nguyên nhân do anh T không tu chí làm ăn, chỉ chơi bời lêu lổng, không quan tâm đến vợ con. Chị đã khuyên bảo anh T nhiều lần nhưng anh T không thay đổi, từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã lẫn nhau. Gia đình hai bên có dàn xếp cho vợ chồng hòa thuận nhưng bản thân anh T không thay đổi, không quan tâm và vun vén cho gia đình. Do không chịu đựng được cuộc sống chung như vậy nên chị đã bỏ về nhà đẻ ở từ đó đến nay. Anh chị cắt đứt quan hệ vợ chồng và sống ly thân từ tháng 10 năm 2017 cho đến nay. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị được ly hôn với anh Dương Văn T.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Dương Hải Đ, sinh ngày 16/12/2017. Hiện con chung đang ở với chị. Nay ly hôn chị đề nghị được tiếp tục nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ và ruộng đất nông nghiệp: Vợ chồng không có vướng mắc gì, do vậy chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án, tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho anh T, nhưng anh T không có ý kiến gì và không đến Tòa án để làm việc. Tại phiên tòa hôm nay, chị Ngân có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Tỉnh đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng anh T vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại Tòa án không có lý do, nên đề nghị HĐXX xét xử vụ án theo thủ tục chung.

+ Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35, 39, 144, khoản 4 Điều 147, Điều 150, điểm e khoản 1 Điều 192, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Dương Văn T.

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi con chung là Dương Hải Đ, sinh ngày 16/12/2017.

Về cấp dưỡng nuôi: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ và ruộng đất nông nghiệp: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Ngoài ra, còn đề nghị xử lý về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về áp dụng luật tố tụng: Đối với nguyên đơn là chị Nguyễn Thị N đã có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn là anh Dương Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Dương Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Yên Dũng vào ngày 10/3/2016. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với nhau ngay. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc. Sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân

mâu thuẫn theo phía chị N là do anh T không tu chí làm ăn, chỉ chơi bời lêu lổng, không quan tâm đến vợ con. Chị đã khuyên bảo anh T nhiều lần nhưng anh T không thay đổi, từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã lẫn nhau. Chị N xác định tình cảm vợ chồng đã hết và đề nghị được ly hôn, anh T không có tác động gì để vợ chồng về đoàn tụ. Điều này chứng tỏ hôn nhân giữa chị N và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần xử cho chị Ngân được ly hôn với anh T là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị N và anh T có một con chung là Dương Hải Đ, sinh ngày 16/12/2017. Hiện nay con chung đang ở với chị N, con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường. Vợ chồng ly hôn, chị N đề nghị được tiếp tục nuôi con chung vì con chung còn nhỏ, chưa đủ 36 tháng tuổi. Do vậy, cần giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 2 Điều 81 luật hôn nhân và gia đình; sau khi vợ chồng ly hôn anh T được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này là phù hợp với các điều 58, 82 luật hôn nhân gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị Ngân không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, công nợ và ruộng đất nông nghiệp: Chị N không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 35, 39, 144, khoản 4 Điều 147, Điều 150, điểm e khoản 1 Điều 192, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết

số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Dương Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi con chung là Dương Hải Đ, sinh ngày 16/12/2017.

Về cấp dưỡng nuôi: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Anh T có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này. Tuy nhiên, người không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi dưỡng.

Vì lợi ích của con chung, Tòa án có thể thụ lý giải quyết vụ án thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc vụ án yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nếu sau này các đương sự có đơn yêu cầu và theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: AA/2016/0002792 ngày 09/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Dũng. Xác nhận chị N đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Yên Dũng;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Yên Dũng;
- UBND xã N, huyện Yên Dũng;
- Lưu HS, Vp.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Ngọc Oanh